

PHẦN 1 (Trắc nghiệm – 30 câu) **Làm ra giấy kiểm tra**

Hãy viết chữ cái đầu tiên (A, B, C, D) đáp án tương ứng mà em chọn

Câu 1. Phát triển chăn nuôi bền vững phải đảm bảo:

- A. Thực phẩm thiếu an toàn
B. Lạm phát về kinh tế
C. Khai thác cạn tài nguyên
D. Lợi ích của vật nuôi

Câu 2. Để được công nhận là giống vật nuôi thì tùy loài sẽ phải có số lượng vật nuôi như sau:

- A. Gia cầm – 10.000 con, trâu (bò) – 300 con, lợn – 5.00 con
B. Trâu (bò) – 300 con, gia cầm – 10.000 con, lợn – 5.00 con
C. Lợn – 5.00 con, trâu (bò) – 3000 con, gia cầm – 1.000 con,
D. Gia cầm – 10.000 con, lợn – 5.000 con, trâu (bò) – 300 con

Câu 3. Chăn thả tự do thường được áp dụng trong mô hình:

- A. Nhà máy
B. Nông hộ
C. Trang trại
D. Xí nghiệp

Câu 4. Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì giống gà cho năng suất trứng cao nhất:

- A. Gà Ri
B. Gà Tam Hoàng
C. Gà Leghorn
D. Gà Mía

Câu 5. Ưu điểm của chăn nuôi công nghiệp:

- A. Xa khu dân cư, thuận lợi giao thông
B. Vốn đầu tư ban đầu lớn, trang thiết bị hiện đại
C. Năng suất cao, kiểm soát dịch bệnh tốt
D. Thân thiện với môi trường, hiệu quả kinh tế cao

Câu 6. Chăn nuôi bán công nghiệp là

- A. Phương thức chăn nuôi kết hợp chăn nuôi công nghiệp và chăn thả tự do
B. Chăn nuôi tập trung mật độ cao, số lượng vật nuôi lớn
C. Phương thức chăn nuôi cho phép vật được đi lại tự do, tự kiếm ăn
D. Số lượng vật nuôi lớn, được nhốt hoàn toàn trong chuồng trại

Câu 7. Chăn nuôi bán công nghiệp giúp cho vật nuôi:

- A. Tự do vận động, tìm kiếm một phần thức ăn
B. Ăn hoàn toàn thức ăn trong tự nhiên, tiết kiệm chi phí
C. Chủ động tự do đi lại trong chuồng nuôi
D. Luyện tập các thói quen, tập tính của loài

Câu 8. Nội dung KHÔNG thuộc điều kiện để được công nhận giống vật nuôi:

- A. Được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
B. Có ngoại hình, năng suất giống nhau
C. Có chung nguồn gốc, có tính di truyền ổn định
D. Có số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng

Câu 9. Việc kết nối từ trang trại chăn nuôi với thu gom, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi tạo thành:

- A. Liên kết các nguồn lực, điều kiện sản xuất
B. Liên kết chuỗi “từ trang trại đến bàn ăn”
C. Liên kết chuỗi khép kín “từ trang trại đến bàn ăn”
D. Liên kết các khâu thành chuỗi khép kín

Câu 10. Ưu điểm NỔI BẬT của chăn nuôi bán công nghiệp giúp cho vật nuôi:

- A. Không bị nhốt trong chuồng
B. Bị “stress” nhiều hơn
C. Được đối xử tốt hơn
D. Lớn nhanh hơn

Câu 11. Trong chăn nuôi phải đảm bảo tất cả các đối tượng trong hệ thống đều được hưởng lợi, hệ thống đó bao gồm:

- A. Người chăn nuôi, người tiêu dùng, môi trường
B. Người tiêu dùng, vật nuôi, môi trường
C. Người sản xuất, vật nuôi, môi trường
D. Con người, vật nuôi, môi trường

Câu 12. Dựa vào mức độ hoàn thiện giống, giống vật nuôi được chia thành:

- A. Giống sinh học, giống sản xuất, giống nguyên thủy
B. Giống nội, giống nhập nội, giống quá độ
C. Giống chuyên dụng, giống kiêm dụng, giống gây thành
D. Giống nguyên thủy, giống quá độ, giống gây thành

Câu 13. Nhược điểm của chăn nuôi công nghiệp:

- A. Tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường
B. Vốn đầu tư ban đầu lớn, năng suất thấp
C. Năng suất cao, kiểm soát dịch bệnh tốt
D. Xa khu dân cư, thuận lợi giao thông

Câu 14. Việc ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi thông minh nhằm:

- A. Minh bạch thông tin cho người tiêu dùng
B. Nâng cao sản lượng và hiệu quả chăn nuôi
C. Bao quát toàn bộ tình hình của trang trại
D. Nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát toàn bộ quá trình chăn nuôi

Câu 15. Theo cách phân loại vật nuôi dựa vào đặc tính sinh học, thì bò thuộc nhóm:

- A. Gia súc dạ dày đơn
- B. Gia súc dạ dày 4 túi
- C. Vật nuôi dưới nước
- D. Vật nuôi đẻ trứng

Câu 16. Yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng sản phẩm chăn nuôi:

- A. Thức ăn
- B. Chế độ chăm sóc
- C. Vệ sinh phòng bệnh
- D. Giống vật nuôi

Câu 17. Trong chăn nuôi thông minh, cần thực hiện liên kết 5 nhà:

- A. Nhà quản lý, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà băng
- B. Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà nông, nhà khoa học, nhà quản lý
- C. Nhà quản lý, nhà nông, nhà băng, nhà doanh nghiệp, nhà buôn
- D. Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà băng, nhà khoa học

Câu 18. Giống vật nuôi là....., cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

- A. Quần thể vật nuôi khác loài
- B. Quần thể vật nuôi cùng loài
- C. Hệ sinh thái
- D. Quần thể vật nuôi

Câu 19. Nhược điểm của chăn thả tự do:

- A. Chi phí đầu tư thấp
- B. Không đảm bảo an toàn sinh học
- C. Năng suất cao
- D. Vật nuôi được tự do đi lại

Câu 20. Đặc điểm của chăn thả tự do:

- A. Vật nuôi được nhốt trong chuồng
- B. Vật nuôi ăn thức ăn công nghiệp
- C. Vật nuôi được tự do đi lại, kiếm ăn
- D. Số lượng vật nuôi lớn

Câu 21. Cách vật nuôi: lợn Đại Bạch (Yorkshire), gà Leghorn, bò Red Sindhi thuộc nhóm vật nuôi:

- A. Ngoại nhập
- B. Bản địa
- C. Ngoại địa
- D. Nội địa

Câu 22. Đâu KHÔNG phải là đặc điểm của mô hình chăn nuôi bền vững:

- A. Cung cấp thực phẩm chất lượng cao
- B. Môi trường được bảo vệ
- C. Bảo vệ thiên nhiên nhiên hoang dã
- D. Vật nuôi được chăm sóc tốt

Câu 23. Theo cách phân loại vật nuôi dựa vào đặc tính sinh học, thì lợn thuộc nhóm:

- A. Gia súc dạ dày 4 túi
- B. Vật nuôi đẻ trứng
- C. Vật nuôi dưới nước
- D. Gia súc dạ dày đơn

Câu 24. Đặc điểm của chăn nuôi công nghiệp:

- A. Theo quy trình khép kín
- B. Công nghiệp hóa nông nghiệp
- C. Số lượng vật nuôi ít
- D. Mật độ thấp, rải rác

Câu 25. Các vật nuôi bản địa có khả năng thích nghi tốt với:

- A. Điều kiện khí hậu, tập quán canh tác
- B. Điều kiện thức ăn, tập quán chăn nuôi
- C. Điều kiện thức ăn, tập quán canh tác
- D. Điều kiện khí hậu, tập quán chăn nuôi

Câu 26. Tên gọi các vật nuôi như gà Đông Tảo, lợn Móng Cái, bò vàng ... dựa vào cách phân loại vật nuôi:

- A. Sử dụng
- B. Sinh học
- C. Nguồn gốc
- D. Bản địa

Câu 27. Trong các loài vật dưới đây, loài nào là vật nuôi ngoại nhập?

- A. Bò Red Sindhi.
- B. Lợn Í
- C. Gà Đông Tảo
- D. Vịt Bầu

Câu 28. Hoạt động chăn nuôi các vật nuôi bản địa phải đảm bảo ... nguồn gen động vật:

- A. Bảo tồn, khai thác
- B. Bảo tồn, khai thác và phát huy
- C. Bảo tồn, khai thác và phát triển
- D. Bảo tồn, phát triển

Câu 29. Con vật cung cấp sức kéo cho canh tác:

- A. Gà
- B. Lợn
- C. Trâu
- D. Dê

Câu 30. Nhóm động vật nào dưới đây là vật nuôi thuần hóa?

- A. Gấu, khỉ, hươu
- B. Sư tử, hổ, báo
- C. Chó, mèo, trâu
- D. Nai, vượn, trăn

Câu 31. Ưu điểm của chăn thả tự do:

- A. Vật nuôi được chăm sóc tốt
- B. Chi phí đầu tư thấp
- C. Tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp
- D. Ô nhiễm môi trường

Câu 32. Từ động vật hoang dã trở thành vật nuôi, động vật trải qua quá trình:

- A. Huấn luyện
- B. Thuần hóa
- C. Cho ăn
- D. Chọn lọc

PHẦN 2 (Tự luận – 2 câu): **Làm ra giấy kiểm tra**

1. Với vai trò là người tiêu dùng, em có thể làm gì để gián tiếp đảm bảo phúc lợi động vật (bao gồm động vật chăn nuôi và động vật hoang dã)?
2. Gia đình em ở đô thị, có nuôi thú cảnh (chó, mèo). Em sẽ làm gì để đảm bảo phúc lợi cho vật nuôi đó?